



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY TƯ VẤN ĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **59** /HEC14-KDTH

V/v: Công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (thay đổi, bổ sung nhân sự so với văn bản đã công bố số 14/HEC14-KDTH ngày 08/4/2026)

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: - Sở xây dựng thành phố Hà Nội

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **CÔNG TY TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT (HEC14) - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP TẠI HÀ NỘI**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0100103175-004** (lần 4) cấp ngày 12 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội, Phòng đăng ký Kinh doanh.

- Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38526273.

- Email: tvdkt@hec.com.vn

- Mã số thuế: 0100103175 - 004.

- Tên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

- Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

- Phòng thí nghiệm đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC17025: 2017 số 190320/VNT-119 do Công ty TNHH MTV khoa học kỹ thuật VINATEST cấp ngày 19/03/2020.

- Mã số phòng thí nghiệm tại thời điểm công bố thông tin: LAS-XD 24.020 (theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024 và số 26/GCN-SXD ngày 03/06/2025 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội).

- Trang điện tử công bố thông tin phòng thí nghiệm: <https://hec.com.vn>

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Trưởng phòng thí nghiệm: Ông Nguyễn Quốc Thành - Thạc sỹ địa chất công trình - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 07.K94.26/VKHCN ngày 03/08/2026 do Viện KHCN Giao thông vận tải cấp.

- Các thí nghiệm viên đều có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm cùng với đội ngũ hỗ trợ là các kỹ sư địa chất công trình.

- Máy móc thiết bị đầy đủ cho các thí nghiệm và định kỳ được kiểm định.

(Chi tiết thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm xem tại mục 2.1 & 2.2 dưới đây)

2.1. Thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN13605:2023; ASTM C184, C188, C204; AASHTO T133, T153, T192	Cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn, bình tỷ trọng, máy đo độ mịn Blaine, ...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ISO 679:2009; TCVN 9488:2012; ASTM C109; AASHTO T106	Máy trộn vữa, khuôn tiêu chuẩn, bộ đầm, dụng cụ thử cường độ uốn, máy thử cường độ nén, ...	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C266, C451; AASHTO T131, T129	Cân, ống đong có chia vạch, máy trộn, đồng hồ bấm giây, thước, ...	
II	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; EN 12350-2:09; ASTM C143; AASHTO T119; BS 1881	Côn thử độ sụt, thước lá, thanh thép tròn trơn, phễu đổ hỗn hợp, ...	6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà
5	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022	Nhót kế Vebe, bàn rung, đồng hồ bấm giây, thanh thép tròn, trơn,...	10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; BS EN 12350-6; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng kim loại, thiết bị đầm, thước lá, cân điện tử,...	12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Vân Hà
7	Xác định độ tách vữa, tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232; EN 480-4; AASHTO T158; BS EN 12350-4	Khuôn thép, bàn rung, thanh thép tròn, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước lá, tủ sấy, khay sắt, ...	15. Đỗ Thị Phương
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, dầu hỏa, cón, sàng tiêu chuẩn,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585	Máy thử độ thấm tự động, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, bàn chải sắt,...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642; AASHTO T121	Cân kỹ thuật, bộ thước kỹ thuật, thùng đóng, parafil,...	
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42	Máy nén bê tông thủy lực, thước lá, đệm truyền tải...	
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177	Máy nén uốn bê tông kết hợp với bộ gá uốn chuyên dụng,...	
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; AASHTO T198; ASTM C496-11; ASTM B3067	Máy nén bê tông kết hợp với bộ gá bừa chuyên dụng,...	
14	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén thủy lực, bộ khung gá đo biến dạng, thước lá,...	
III	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
15	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy...	
16	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Kính lúp, kính hiển vi, dung dịch axit HCL, que gạt, cân kỹ thuật điện tử,...	
17	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn...	
18	Xác định khối lượng LR; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt,...	
19	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322-2014; ASTM C29; AASHTO T19	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
20	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; TCVN10321-2014; ASTM C566; AASHTO T255	Ổng đong, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
21	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 9205:2012; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T112	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu,...	
22	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21	Ổng đong, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, thang màu,...	
23	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10323-2014	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ..., Máy siêu âm, súng bật nảy...	
24	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C170, D2938	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập,...	
25	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T98, T327	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn,...	
26	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; AASHTO T335	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập, thước thoi dẹt, ...	
27	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:2006; TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, sàng tiêu chuẩn, bình điều nhiệt, máy hút chân không, bếp cách thủy, bếp điện, chén sứ,...	
28	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khay đựng, búa, HNO ₃ ,...	
29	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:2006; AASHTO T104; ASTM C88	Cân kỹ thuật, cân phân tích, sàng, bình hút ẩm, tủ sấy, cốc nung, ...	
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
31	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, lò nung, bình kim loại, tủ sấy, bếp cách thủy, bình định mức, nước cất, NaOH, HCL, AgNO ₃ , ...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, khay đựng, chày và cối sứ, kính lúp,....	5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên
33	Xác định hàm lượng Nhôm Oxit (Al ₂ O ₃); Hàm lượng sắt III Oxit (Fe ₂ O ₃)	TCVN 7131:2016	Cân phân tích, máy quang phổ, bình định mức và các loại axit /bazơ	8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà
34	Xác định hàm lượng Canxi Oxit (CaO); Hàm lượng Magie Oxit (MgO)	TCVN 7131:2016	Cân phân tích, bếp đun, bình định mức, pipet, buret, cốc chịu nhiệt, các dung dịch tiêu chuẩn,...	10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854; BS 1377	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, bếp đun/bếp cát, bình hút ẩm, tủ sấy, rây 0,5mm, nước cất và nhiệt kế,...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265; BS 1377	Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, cân điện tử, hộp nhôm có nắp, bình hút ẩm (có hạt hút ẩm), dao, chày sứ/cối sứ, và khay men và cân sấy ẩm khi cần,...	5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; BS 1377	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88, T27; ASTM C136, D421, D422; BS 1377	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà
39	Xác định sức chống cắt trên	TCVN 4199:2012;	Máy cắt phẳng ứng biến	15. Đỗ Thị Phương

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
	máy cắt phẳng	ASTM D3080, 3090; AASHTO T236	và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; BS 1377; AASHTO T216	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
41	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối sứ, thùng đựng, thước kẻ, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937; AASHTO T204	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong Phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; TCVN 12792:2020; BS1377; ASSHTO T193; ASTM D1883	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng,...	
44	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; ASTM D4767; ASTM D7181; AASHTO T296, T297; BS 1377	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166, D2938; AASHTO T116, T208; BS 1377	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	
46	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434, D4511; AASHTO T49, T215; BS 1377	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	
47	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	
48	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4829, D4546;	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
		AASHTO T258; BS 1377	tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	
49	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D427, D4943; AASHTO T92	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
50	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, chày gỗ, cối và chày sứ,...	
51	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T194; BS 1377	Tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	
52	Xác định thành phần và hàm lượng muối hoà tan	TCVN 8727:2012	Cân phân tích, tủ sấy, máy lắc, Phễu lọc, giấy lọc, bình định mức, pipets và buret,...	
V	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
53	Xác định độ ẩm của đất	TCVN 8728:2012; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971; AASHTO T204; BS 1377-9; ASTM D1556	Máy đo độ ẩm cầm tay, cảm biến độ ẩm đất, và thiết bị đo độ ẩm nhanh (bình canxi cacbua), Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm,	
54	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9	Gồm dao vòng, thiết bị rót cát, và dao cắt mẫu, tuân theo tiêu chuẩn,...	
55	Phương pháp thử nghiệm xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1195, D1194; AASHTO T221, T222, T235	Tấm ép cứng, kích thủy lực (thường 20-50 tấn), hệ thống chất tải (xe tải nặng), và đồng hồ đo võng (bàn nén tĩnh, <u>cần Benkelman</u>)	
56	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013; ASTM D3441, D5778; BS 1377	Gồm mũi xuyên (qc, fs, u), cần xuyên, bộ phận truyền lực (thủy lực), hệ thống đối tải (neo/xe tải), và bộ ghi dữ liệu, ...	
57	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355-06; ASTM D2573, D3441; AASHTO T223	Dụng cụ đo trực tiếp sức kháng cắt không thoát nước, Bộ phận cánh cắt (vane), cần nối, bộ phận	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			quay và đo mô-men xoắn,...	
58	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; AASHTO T206; ASTM D1586; BS 1377	Ổng lấy mẫu thìa chia đôi, đầu xuyên, bộ búa đóng SPT và cần khoan,...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
59	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2024	Bình chứa, máy bơm, thiết bị đo mực nước (thước đo, sensor), ống đóng/thiết bị tự động duy trì cột nước, bộ neo và giá đỡ, cùng đồng hồ bấm giây....	
60	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hồ khoan	TCVN 9149:2024; ASTM D4719	Máy bơm công suất lớn, đồng hồ đo áp lực, lưu lượng kế, ống dẫn, thiết bị ngăn cách - quả bo (packer) và ống đo mức nước,....	
VI	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
61	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, khay hứng, máy lắc sàng, và tủ sấy,....	
62	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Bộ phễu xác định độ lưu động (phễu chảy), cân kỹ thuật, thước kẹp, bay, chảo trộn, bàn dần, ...	
63	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật (chính xác 1g), bình hình trụ/côn thể tích chuẩn không thấm nước, que đầm, và thước gạt phẳng.	
64	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Bộ phễu hút chân không, đồng hồ bấm giây, thiết bị thử lưu động, giấy lọc, ...	
65	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Bộ xuyên xác định thời gian đông kết vữa tươi,...	
66	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, hệ thống cân thủy tĩnh (bình chứa nước, giá đỡ), tủ sấy (105-110°C), parafin, bếp đun parafin, và thước kẹp/khuôn mẫu,...	
67	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Máy nén/uốn vạn năng, khuôn đúc mẫu, bàn rung hoặc chày đầm, cân kỹ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			thuật và các dụng cụ vệ sinh mẫu,...	
VII	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG			
68	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012	Cân phân tích điện tử độ chính xác cao, tủ sấy, bộ lọc chân không (phễu Büchner, bình lọc), và giấy lọc sợi thủy tinh,....	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Vân Hà 15. Đỗ Thị Phương
69	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011; ISO 10523:2008	Ống đồng, bình định mức, giấy chỉ thị Ph, nhiệt kế, hóa chất, nước cất,...	
70	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996; ISO 9297:1989	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
71	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻⁻)	TCVN 6200:1996; ISO 9280:1990	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
72	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988; TCVN 6186:1996; ISO 8467:1993	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
73	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:2000	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
74	Cacbonic (CO ₂) tự do và ăn mòn	TCVN 6489:2009	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
75	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TCXD 81:1981	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
76	Bicacbonat (HCO ₃ ⁻) và Cacbonat (CO ₃ ²⁻); amoni (NH ₄ ⁺)	TCVN 6636:2000	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
77	Xác định hàm lượng Canxi (Ca ²⁺); Magiê (Mg ²⁺) Độ oxy hoá COD	TCVN 6224:1996	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			nung, chén sứ chịu nhiệt,...	

2.2. Thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 26/GCN-SXD ngày 03/06/2025 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
I	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
1	Thành phần hạt	TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy,...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn, ...	
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt, ...	
4	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá, ...	
5	Độ ẩm	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
6	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
7	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023	Ống đông, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, thang màu, ...	
8	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ đồng nhất của đá bằng sóng âm	TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...; Máy siêu âm	
9	Độ nén đập, trương nở và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập, ...	
10	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn,...	
11	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước thoi dẹt, ...	
12	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, sàng tiêu chuẩn, bình điều nhiệt, máy hút chân	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			không, bếp cách thủy, bếp điện, chén sứ,...	
13	Hàm lượng clorua	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khay đựng, búa, HNO ₃ ,...	
14	Hàm lượng sulfat và sulfit	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, cân phân tích, sàng, bình hút ẩm, tủ sấy, cốc nung, ...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
15	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	
16	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, lò nung, bình kim loại, tủ sấy, bếp cách thủy, bình định mức, nước cất, NaOH, HCL, AgNO ₃ , ...	
II	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT			
17	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,....	
18	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023	Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm,	
19	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	
20	Thành phần hạt	TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	
21	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023 TCVN 4199-1995	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	
22	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	
23	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TB 10102-2023	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối sứ, thùng đựng, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
24	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	
25	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			sàng,...	
26	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	
27	Thí nghiệm nén một trục có nở hông có nở hông	TB 10102-2023	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	
28	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Vân Hà 15. Đỗ Thị Phương
29	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	
30	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	
31	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	
32	Xác định góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, chày gỗ, cối và chày sứ,...	
33	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023 ASTM F1647, ASSHTO T267	Tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ,...	
III	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC			
34	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003	Ống đồng, bình định mức, giấy chỉ thị Ph, nhiệt kế, hóa chất, nước cất,...	
35	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
36	Xác định hàm lượng ion	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
	Sunfat (SO_4^{2-})		bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,	
37	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,	1. Nguyễn Quốc Thành 2. Trần Đăng Tuấn 3. Bùi Bá Trường 4. Chu Thị Hiền 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Nguyễn Thúy Lựu 7. Lê Thị Quyên 8. Đinh Thị Vân Huyền 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Lê Thị Hồng Vân 13. Bùi Thu Hương 14. Đào Thân Văn Hà 15. Đỗ Thị Phương
38	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TB 10104-2003	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
39	Cacbonic (CO_2) tự do và ăn mòn	TB 10104-2003	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
40	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TB 10104-2003	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
41	Bicacbonat (HCO_3^-) và Cacbonat (CO_3^{2-}); amoni (NH_4^+)	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
42	Xác định hàm lượng Canxi (Ca^{2+}); Magiê (Mg^{2+}) Độ oxy hoá COD	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
IV	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT			
43	Xác định độ pH	TB 10103-2008	Bình đựng mẫu, nhiệt kế, Ph - mét, điện cực thủy tinh và điện cực so sánh, ...	
44	Hàm lượng SO_4^{2-} hoà tan	TB 10103-2008	Phễu lọc tùy tinh xốp, bình thủy tinh có vòi, cân kỹ thuật, cát cô bằng bạch kim,...	
45	Hàm lượng Cl^- hoà tan	TB 10103-2008	Các thuốc thử (AgNO_3 , KALI CRONAT, NaCl , HNO_3 , ...), buret, ...	
46	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008	Nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong, pipet,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
47	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008	Cốc mỏ 50ml, ống hút 50ml, bình hút âm, tủ sấy, cân kỹ thuật, dung dịch H ₂ O ₂ 10% và nước cất,...	

Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin công bố

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
GIÁM ĐỐC



Đỗ Ngọc Cường

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103175-004 (lần 4) cấp ngày 12 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội, Phòng đăng ký Kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 26/GCN-SXD ngày 03/06/2025 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 56/QĐ-HEC14-KDTH ngày 24/08/2026 của Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Thành giữ chức Trưởng Phòng thí nghiệm LAS-XD 24.020.

Phụ lục: Thông tin chi tiết thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố
(Kèm theo văn bản "Công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng" ngày 25/8/2026 của Công ty tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam- CTCP)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
1	Nguyễn Quốc Thành	1972	- Kỹ sư Địa chất công trình - Thạc sỹ Địa chất công trình - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 07.K94.26/VKHCN ngày 03/08/2026 do Viện KHCN Giao thông vận tải cấp. - Chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng I	33 năm
2	Trần Đăng Tuấn	1976	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 911/2006/VKH-THXD Viện Khoa học Công nghệ xây dựng cấp ngày 15/12/2006 - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “Đất đá xây dựng” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 03-05 cấp ngày 22/04/2005. + Hoàn thành chương trình tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 số 1915-2017 do Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị- Bộ xây dựng cấp ngày 17/11/2017	26 năm
3	Bùi Bá Trường	1944	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về “ Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất, đá và vật liệu xây dựng” số 08/09 do Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật- Đại học Mỏ Địa chất cấp ngày 20/02/2009	58 năm
4	Chu Thị Hiền	1978	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “Đất đá xây dựng” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 17-05 cấp ngày 22/04/2005.	22 năm
5	Nguyễn Thị Mai Anh	1972	- Cử nhân Kinh tế - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “Đất đá xây dựng” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 11-05 cấp ngày 22/04/2005.	32 năm
6	Nguyễn Thúy Lựu	1972	- Kỹ thuật viên - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “Đất đá xây dựng” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 14-05 cấp ngày 22/04/2005.	33 năm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
7	Lê Thị Quyên	1981	- Kỹ sư Địa chất Công trình - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất đá và vật liệu xây dựng” số 22/28 do Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật Đại học Mỏ Địa chất cấp ngày 26/12/2008	23 năm
8	Đinh Thị Vân Huyền	1981	- Cử nhân Toán tin - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “Phương pháp phân tích nước dùng trong xây dựng” số 1030/2012/VKH-TNXD do Viện Khoa học Công nghệ xây dựng cấp ngày 11/7/2012 - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất đá và vật liệu xây dựng” số 19/28 do Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật Đại học Mỏ Địa chất cấp ngày 26/12/2008	20 năm
9	Nguyễn Thanh Hà	1988	- Kỹ sư địa chất công trình - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “Không phá hủy” thuộc đề án “Tăng cường kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” số 14633/2017/VKH-TNXD do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 28/8/2017 - Chứng chỉ thí nghiệm viên số 12.K174.26/ VKHCN-CC do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	12 năm
10	Trần Viết Cường	1980	- Kỹ sư Địa chất công trình - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm “Kiểm tra chất lượng Bê tông bằng phương pháp không phá hủy” do Viện khoa học Công nghệ và đầu tư xây dựng- Tổng hội Xây dựng Việt Nam tổ chức. Số 201604001/VKHCN ngày 02/001/2016 - Chứng chỉ thí nghiệm viên số 10.K174.26/ VKHCN-CC do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	12 năm
11	Nguyễn Thủy Nguyên	1969	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng chỉ hành nghề hạng II - Chứng chỉ thí nghiệm viên số 11.K174.26/VKHCN-CC do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	33 năm
12	Lê Thị Hồng Vân	1974	- Cử nhân kinh tế - Chứng nhận số 09.K174.26/VKHCN-CN do Viện KHCN- GTVT do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	33 năm
13	Bùi Thị Hương	1972	- Trung cấp Tia chính - Chứng nhận số 12.K174.26/VKHCN-CN do Viện	20 năm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
			KHCN- GTVT do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	
14	Đào Thân Vân Hà	1981	- Cử nhân kinh tế - Chứng nhận số 10.K174.26/VKHCN-CN do Viện KHCN- GTVT do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	22 năm
15	Đỗ Thị Phương	1981	- Cử nhân kinh tế - Chứng nhận số 11.K174.26/VKHCN-CN do Viện KHCN- GTVT do Viện KHCN- GTVT cấp về lĩnh vực “ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông”	22 năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0100103175-004

Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 08 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 12 tháng 09 năm 2022

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN
XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP TẠI HÀ NỘI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: 0243.8526273

Fax: 0243.8526273

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: ĐỖ NGỌC CƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/11/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001070011263

Ngày cấp: 10/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự
xã hội

Địa chỉ thường trú: 21D Hàng Bài, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

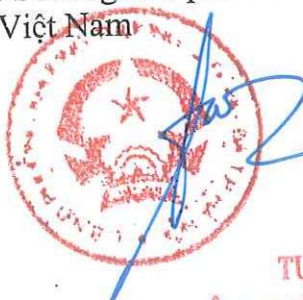
Địa chỉ liên lạc: Phòng 202 Nhà B1, ngõ 203 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM
- CTCP

Mã số doanh nghiệp: 0100103175

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

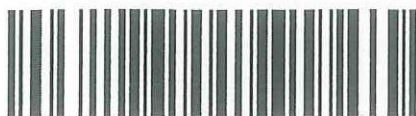


TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Trần Bích Vân



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Tình

Số:



70023/22

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*
Địa chỉ trụ sở: *Toà nhà Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội - Khu liên cơ Võ Chí Công, số 258 đường Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại: 024.37347512 Fax:
Email: *pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn* Website:
www.hapi.gov.vn

Xác nhận:

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Mã số /Mã số thuế: 0100103175

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh: CÔNG TY TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP TẠI HÀ NỘI

Mã số chi nhánh/Mã số thuế: 0100103175-004

Thông tin thay đổi của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Giám sát thi công các công trình xây dựng, lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa vật lý công trình khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa vật lý công trình;	7110(Chính)

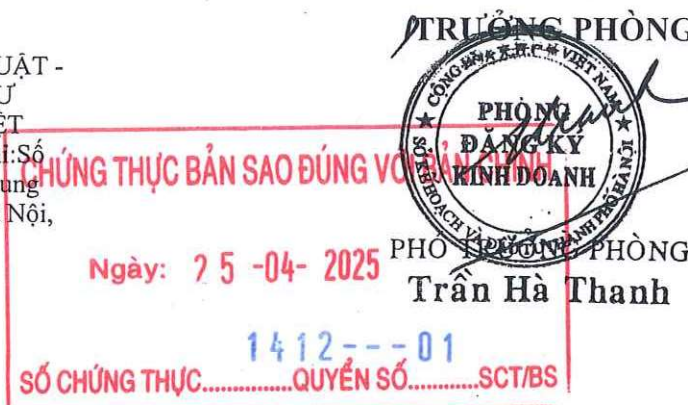
STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình; Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyên giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình	7212

Nơi nhận:

-CÔNG TY TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT -
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TƯ
VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT
NAM - CTCP TẠI HÀ NỘI. Địa chỉ: Số
95/8/116 phố Chùa Bộc, Phường Trung
Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Hải Yến.....



TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH
Trần Bích Vân

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/01/2024; văn bản số 07/HEC14-KDTH ngày 08/01/2024 của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội về việc Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung tồn tại trong biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Biên bản kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục ngày 22/01/2024 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động – Chi nhánh số 0100103175-004 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 8 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8526273.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Trung
Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.020.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận *Sưu*

- Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội;
- Bộ Xây dựng;
- Đ/c Giám đốc Sở XD; | (để báo cáo)
- Các PGĐ SXD: Mạc Đình Minh, Hoàng Cao Thắng;
- Lưu: VT, P. QLKT&GDCL (H.A.T, 05b).

KT. GIÁM ĐỐC
~~PHÓ GIÁM ĐỐC~~



Mac Đình Minh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 26-02-2024



PHÓ CHỦ TỊCH
Ngô Văn Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.020**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 01 /GCN-SXD(GĐCL) ngày 30 tháng 01 năm 2024)*

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN13605:2023; ASTM C184, C188, C204; AASHTO T133, T153, T192
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ISO 679:2009; TCVN 9488:2012; ASTM C109; AASHTO T106
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C266, C451; AASHTO T131, T129
II	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; EN 12350-2:09; ASTM C143; AASHTO T119; BS 1881
5	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; BS EN 12350-6; ASTM C138; AASHTO T121
7	Xác định độ tách vữa, tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232; EN 480-4; AASHTO T158; BS EN 12350-4
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642; AASHTO T121
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; AASHTO T198; ASTM C496-11; ASTM B3067
14	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi	TCVN 5726:2022

Handwritten signature

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	nén tĩnh	
III	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
15	Thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27
16	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
17	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84
18	Xác định khối lượng LR; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85
19	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322-2014; ASTM C29; AASHTO T19
20	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10321-2014; ASTM C566; AASHTO T255
21	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 9205:2012; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T112
22	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21
23	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10323-2014
24	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C170, D2938
25	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T98, T327
26	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; AASHTO T335
27	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:2006; TCVN 9205:2012
28	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; TCVN 9205:2012
29	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:2006; AASHTO T104; ASTM C88
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112
31	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
33	Xác định hàm lượng Nhôm Oxit (Al_2O_3); Hàm	TCVN 7131:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	lượng sắt III Oxit (Fe_2O_3)	
34	Xác định hàm lượng Canxi Oxit (CaO); Hàm lượng Magie Oxit (MgO)	TCVN 7131:2016
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854; BS 1377
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265; BS 1377
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; BS 1377
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88, T27; ASTM C136, D421, D422; BS 1377
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080, 3090; AASHTO T236
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; BS 1377; AASHTO T216
41	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937; AASHTO T204
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong Phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; TCVN 12792:2020; BS 1377; AASHTO T193; ASTM D1883
44	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; ASTM D4767; ASTM D7181; AASHTO T296, T297; BS 1377
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166, D2938; AASHTO T116, T208; BS 1377
46	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434, D4511; AASHTO T49, T215; BS 1377

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
47	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
48	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4829, D4546; AASHTO T258; BS 1377
49	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D427, D4943; AASHTO T92
50	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
51	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T194; BS 1377
52	Xác định thành phần và hàm lượng muối hoà tan	TCVN 8727:2012
V	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
53	Xác định độ ẩm của đất	TCVN 8728:2012; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971; AASHTO T204; BS 1377-9; ASTM D1556
54	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9
55	Phương pháp thử nghiệm xác định modul đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1195, D1194; AASHTO T221, T222, T235
56	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013; ASTM D3441, D5778; BS 1377
57	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355-06; ASTM D2573, D3441; AASHTO T223
58	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; AASHTO T206; ASTM D1586; BS 1377
59	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2012
60	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hồ khoan	TCVN 9149:2012; ASTM D4719
VI	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
61	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
62	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
63	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
64	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
65	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
66	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
67	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
VII	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
68	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012
69	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011; ISO 10523:2008
70	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl-)	TCVN 6194:1996; ISO 9297:1989
71	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ --)	TCVN 6200:1996; ISO 9280:1990
72	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988; TCVN 6186:1996; ISO 8467:1993
73	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:2000
74	Cacbonic (CO ₂) tự do và ăn mòn	TCVN 6489:2009
75	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TCXD 81:1981
76	Bicacbonat (HCO ₃ -) và Cacbonat (CO ₃ 2-); amoni (NH ₄ +)	TCVN 6636:2000
77	Xác định hàm lượng Canxi (Ca ²⁺); Magiê (Mg ²⁺) Độ oxy hoá COD	TCVN 6224:1996

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 26/GCN-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 25/4/2025 của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 19/5/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; văn bản số 30/HEC14 đề ngày 21/5/2025 của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (gửi Sở Xây dựng ngày 26/5/2025) về việc báo cáo kết quả khắc phục các nội dung tồn tại trong Biên bản đánh giá.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103175-004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/8/2008, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/9/2022.

Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.38526273

Email: tvdkt@hec.com.vn

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

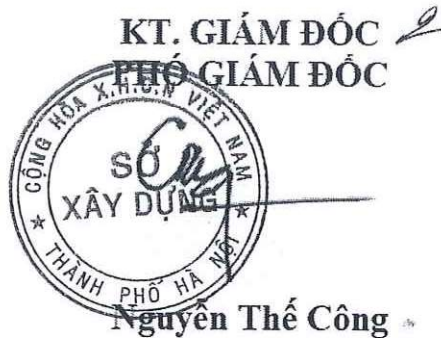
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.020**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024.

Nơi nhận:

- Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội;
- Bộ Xây dựng; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, GĐCL (HN.Duy-05b).



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực...000408...**Biển số: 01-SCT/BS**

Ngày: 12-01-2026 



TU. CHỦ TỊCH
CHUYÊN VIÊN VĂN PHÒNG HĐND&UBND
Đặng Thị Giang

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.020**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 26/GCN-SXD ngày 03 tháng 6 năm 2025)*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Thành phần hạt	TB 10102-2023
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
4	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
5	Độ ẩm	TB 10102-2023 TB 10115-2023
6	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
7	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
8	Cường độ (kháng nén, kháng kéo); hệ số hoá mềm của đá gốc; và độ đồng nhất của đá bằng sóng âm	TB 10115-2023
9	Độ nén đập, trương nở và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
10	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TB 10102-2023 TB 10115-2023
11	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
12	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TB 10102-2023
13	Hàm lượng clorua	TB 10102-2023
14	Hàm lượng sulfat và sulfit	TB 10102-2023
15	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
16	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023
II	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT	
17	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
18	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
19	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
20	Thành phần hạt	TB 10102-2023
21	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023 TCVN 4199-1995
22	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
23	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TB 10102-2023
24	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
25	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023
26	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
27	Thí nghiệm nén một trục có nở hông có nở hông	TB 10102-2023
28	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
29	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
30	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
31	Xác định các đặc trưng cơ ngót của đất	TB 10102-2023
32	Xác định góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023
33	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023 ASTM F1647, ASSHTO T267
III	PHÂN TÍCH HÓA HỌC	
34	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003
35	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl^-)	TB 10104-2003
36	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO_4^{2-})	TB 10104-2003
37	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TB 10104-2003
38	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TB 10104-2003
39	Cacbonic (CO_2) tự do và ăn mòn	TB 10104-2003
40	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TB 10104-2003
41	Bicacbonat (HCO_3^-) và Cacbonat (CO_3^{2-}); amoni (NH_4^+)	TB 10104-2003
42	Xác định hàm lượng Canxi (Ca^{2+}); Magiê (Mg^{2+}) Độ oxy hoá COD	TB 10104-2003
IV	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT	
43	Xác định độ pH	TB 10103-2008
44	Hàm lượng SO_4^{2-} hoà tan	TB 10103-2008
45	Hàm lượng Cl^- hoà tan	TB 10103-2008
46	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008
47	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY
DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY TƯ VẤN ĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 56 / QĐ- HEC14-KDTH

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v bổ nhiệm Trưởng phòng Thí nghiệm

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy Lợi Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung ngày 16/6/2023;
- Xét vào yêu cầu công tác và khả năng cán bộ của Công ty.
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng KDTH.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay bổ nhiệm ông: **Nguyễn Quốc Thành** - Thạc sỹ Địa chất công trình, Trưởng phòng kỹ thuật Địa chất kiêm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Thí nghiệm Công ty Tư vấn Địa Kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty TVXDTL Việt Nam - CTCP tại Hà Nội thay ông Trưởng phòng cũ đã chấm dứt hợp đồng, kể từ ngày **25/08/2026**.

Điều 2: Ông Nguyễn Quốc Thành có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ công tác, vật tư, tài sản, tài chính.... của Phòng Thí nghiệm từ ông Trưởng phòng cũ, xong trước ngày 15/9/2026.

Điều 3: Ông Nguyễn Quốc Thành được hưởng các chế độ theo quy định của Công ty Tư vấn Địa Kỹ thuật kể từ ngày 25/8/2026.

Điều 4: Ban Giám đốc, Lãnh đạo các đơn vị trong Công ty, Phụ trách Kế toán, Phòng thí nghiệm và cán bộ có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn Phòng TCT (để báo cáo);
- Các đơn vị Công ty;
- Lưu KDTH.



Đỗ Ngọc Cương

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đai học Cao Đai nhất
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành **Đai nhất Đai nhất Đai nhất**
hạng **Đai nhất Đai nhất Đai nhất** năm tốt nghiệp **1993**
và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

A **89999**

Số vào sổ

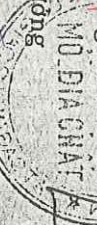
33-204

cho

Nguyễn Quốc Thành

Chữ ký của người được cấp bằng

CHỨNG THỰC BAN SAO DÙNG VỚI BAN SINH ngày **07-01-1978** tại **Mai Sơn - Nghệ An**
Số chứng thực **716** Quyển số **01** SCT/B
Ngày **10** tháng **02** năm **2015** Hiệu trưởng **AI HỌC**
Khoa trưởng **MU ĐIA CHAT**



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS

Đai nhất Đai nhất Đai nhất



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Thành

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR

OF HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

confers

THE DEGREE OF MASTER

MASTER OF ENGINEERING

In Engineering Geology

Upon: (Mr, Ms)

Nguyen Duc Thanh

Born on:

07th Jan. 1972 in Nghe An

Given under the seal of

Hanoi University of Mining and Geology

this 31st day of December.. 2009

Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

cấp

BẰNG THẠC SĨ

THẠC SĨ KỸ THUẬT

(Địa chất công trình)

Cho: ông

Nguyễn Đức Thành

Ngày: 08-09-2022

Sinh ngày

07 - 01 - 1972 tại Nghệ An

Số chứng thực:

3825

Quyển số: 01

SCT: 25

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hiệu trưởng



Số hiệu:

00349 PHÓ CHỦ TỊCH

Số vào sổ cấp bằng

00349 Phó Hiệu trưởng
Đỗ Ngọc Bích

Nguyễn Đức Thành